

VỀ MÔ HÌNH DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN ĐÌNH THAO^(*)

Ngày 30/9/2008, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020 (*Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020*) với mục tiêu là đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nhằm đến năm 2015 đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên; đến năm 2020 đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hoá; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đề án ra đời có ý nghĩa rất lớn bởi thực tế là hiện nay, mức độ sử dụng được ngoại ngữ của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp là rất thấp. Tuy nhiên, rất khó khăn để vừa đảm bảo chất lượng vừa đáp ứng được tiến độ của đề án. Bởi lẽ, có thể dễ dàng nhận thấy, ngành giáo dục hiện nay đang gặp

nhiều khó khăn:

- Tư duy về dạy và học ngoại ngữ chưa đổi mới.
- Thiếu đội ngũ giáo viên đủ năng lực về ngoại ngữ và năng lực sư phạm.
- Công tác kiểm tra, đánh giá mới chỉ dừng lại chủ yếu ở kỹ năng viết – nghe, chưa đánh giá được cả 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết.

Tìm kiếm các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy và học ngoại ngữ ở nước ta, khắc phục các khó khăn nêu trên cũng là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu tại các hội thảo, hội nghị. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu một số mô hình giảng dạy và học ngoại ngữ đã được triển khai thành công hiện nay ở nước ta.

1. Mô hình dạy và học ngoại ngữ ESP

Xuất phát từ thực tiễn và chiến lược dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay và sau này, mô hình ESP đã được nghiên cứu và áp dụng tại nhiều cơ sở đào tạo. ESP (English for Special Purposes) - có thể hiểu là một dạng tiếng Anh được thiết kế để giảng dạy theo nhu cầu và đáp ứng yêu cầu của

^(*) ThS., Học viện Ngoại giao.

từng chuyên ngành cụ thể. Tuy nhiên, cần phải phân biệt rõ giữa tiếng Anh chuyên ngành như ESP được thiết kế trong các sách giáo trình phục vụ cho việc giảng dạy ngôn ngữ là chính, kết hợp tính chuyên môn với tiếng Anh chuyên ngành được viết trong các sách không nhằm mục đích giảng dạy ngôn ngữ mà phục vụ việc nghiên cứu chuyên sâu. Hay nói cách khác, cần phân biệt về mặt hình thức và nội dung giữa hai loại này (1, tr.38-45). Với việc định ra các nhóm tiếng Anh chuyên ngành phù hợp với nhu cầu cũng như chuyên môn của người học (leaners' specialism), cách tiếp cận của ESP là lấy người học hay việc học làm trung tâm. Cách tiếp cận này là một quá trình liên kết, từ nhu cầu của người học, thiết kế chương trình, việc áp dụng đến vai trò của giáo viên. Giải pháp dùng mô hình ESP mang tính định hướng và tính chiến lược chung, phù hợp với yêu cầu xã hội Việt Nam hiện nay. Mô hình ESP gồm TEFL (dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ), TEGL (dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ toàn cầu hay dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế) và LTE (học tập thông qua tiếng Anh). Trong đó, TEFL chỉ việc dạy tiếng Anh cho những người không dùng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ và coi tiếng Anh như một ngoại ngữ; TEGL nhấn mạnh vai trò của tiếng Anh; LTE chỉ việc dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ kép để người học sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và học tập từ rất sớm.

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, ESP có hai đặc trưng nổi bật là *tính tuyệt đối (absolute)* và *tính biến thiên (variable)*. Đặc trưng *tuyệt đối* của ESP trước hết là nhằm đáp ứng các nhu cầu cụ thể của người học; khai thác phương pháp luận

và các hoạt động căn bản của ngành học mà nó được sử dụng; và, được đặt ở vị trí trung tâm của ngôn ngữ thích hợp cho những hoạt động chuyên ngành. Đặc trưng *biến thiên* của ESP được hiểu là có liên quan hoặc được thiết kế cho những chuyên ngành cụ thể; trong giảng dạy, sử dụng phương pháp luận khác với phương pháp luận trong giảng dạy tiếng Anh phổ thông; được thiết kế cho học viên là những người đã lớn, hoặc trong môi trường đại học hay khóa học chuyên môn, hoặc thậm chí có thể cho học viên ở cấp trung học, bậc trung hoặc bậc học nâng cao (1, tr.38-45).

ESP không giới hạn trình độ nhưng trên thực tế lại yêu cầu người học phải có trình độ tiếng Anh nhất định hay cần có trình độ tiếng Anh cơ bản cho nên đường hướng dạy và học của ESP rất phong phú, nhưng phổ biến nhất là mô hình người học tiếng Anh trực tiếp.

Khi ứng dụng ESP trong thực tiễn, có đủ các nội dung, đối tượng và trình độ cho người học với hàng trăm loại giáo trình, gồm giáo trình tiếng Anh cơ bản, giáo trình tiếng Anh trung cấp, giáo trình kỹ năng, v.v... Tuy vậy, khó khăn lớn của ESP là thiếu nguồn giảng viên và giảng viên chưa đạt chuẩn ngoại ngữ.

Sự ra đời của đường hướng giảng dạy tiếng Anh chuyên biệt có nguyên nhân từ bối cảnh lịch sử, cuộc cách mạng trong nghiên cứu ngôn ngữ và thành tựu của ngành tâm lý dạy tiếng. Mô hình ESP áp dụng trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng hiện nay gồm các loại hình: tiếng Anh với tư cách ngôn ngữ hạn hẹp, tiếng Anh cho mục tiêu học thuật, tiếng Anh cho mục tiêu nghề nghiệp. Trong đó, tiếng Anh với tư

cách ngôn ngữ hạn hẹp chú trọng khẩu ngữ, lối nói thông dụng; tiếng Anh cho mục tiêu học thuật đáp ứng nhu cầu của người học ở những trình độ khác nhau, chủ yếu là bậc đại học và sau đại học; tiếng Anh cho mục tiêu nghề nghiệp là trung tâm của đường hướng chuyên biệt, khá đa dạng, phong phú, gồm tiếng Anh doanh nghiệp, tiếng Anh ngành Kinh tế, tiếng Anh ngành Luật, tiếng Anh ngành Y, v.v... Từ các loại hình nói trên, đường hướng ESP thể hiện rõ sự cam kết vào chính mục tiêu của người học và các yêu cầu chủ yếu mang tính tiền đề liên quan đến 3 bình diện: người học, nội dung và người dạy.

Mô hình ESP bắt đầu từ vấn đề chuẩn và ngữ năng đích, chú trọng đến nhu cầu của người học tiếng Anh để vươn tới mục tiêu rút ngắn khoảng cách giữa trình độ hiện tại và ngữ năng đích của học viên. Anh ngữ chuyên ngành sư phạm là một hình thức của ESP, có tác dụng nâng cao khả năng đáp ứng thực tế của quá trình đào tạo. Để thực hiện việc dạy và học theo mô hình ESP, người dạy cần xác định nhu cầu đích của người học, tức là “trước khi thực sự giảng dạy, giảng viên cần thu thập thông tin, phân tích và tìm hiểu rõ các cứ liệu đã thu thập được ở cộng đồng đích về yêu cầu cụ thể của người trong cuộc...” (3, tr.15). Sau đó, người dạy cần bổ sung, điều chỉnh ngữ liệu và phương pháp giảng dạy dựa trên một số tiêu chí khoa học và có giải pháp hỗ trợ kiến thức chuyên môn cần thiết.

Trong điều kiện thực tế ở Việt Nam hiện nay khi đang ngày một “đổi mới toàn diện dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo...” (4,

tr.3) thì việc ứng dụng mô hình ESP trong dạy và học tiếng Anh là một hướng đi tương đối bền vững và là giải pháp đáp ứng được yêu cầu của việc dạy và học tiếng Anh ở nước ta.

2. Phân tầng ngành và lưỡng phân trong đào tạo chuyên ngữ tiếng Anh

Ngoài giảng dạy và học tiếng Anh theo mô hình ESP, còn có những định hướng đào tạo chuyên ngữ tiếng Anh qua cách tiếp cận triệt để phân tầng và lưỡng phân (trong đó mức độ triệt để cao hơn các phân tầng ngành và lưỡng phân với người đi đầu là GS. Lê Quang Thiêm).

Tiếp cận triệt để phân tầng ngành và lưỡng phân, phân biệt trường chuyên ngữ và không chuyên ngữ, phân biệt đào tạo tiếng Anh chuyên ngành và tiếng Anh cơ bản. Trong tiếng Anh chuyên ngành còn phân chia theo những mục đích nghề nghiệp và ngành chuyên môn. Theo T. Hutchinson và A. Water, có thể chia tiếng Anh chuyên ngành thành 6 phạm vi phân ngành: *tiếng Anh Khoa học* (ES), *tiếng Anh Công nghệ* (ET), *tiếng Anh Thương mại* (EB), *tiếng Anh Kinh tế* (EE), *tiếng Anh Khoa học xã hội* (ESS), *tiếng Anh Khoa học nhân văn* (ESH).

GS. Lê Quang Thiêm còn có cách lưỡng phân tri thức với ngôn ngữ, tức phân biệt ngôn ngữ và tri thức chuyên môn về khoa học công nghệ trong tiếng Anh chuyên ngành. Cách phân chia này giúp người dạy và người học có định hướng tích lũy và phối hợp với các chuyên gia thuộc khoa học ngoài ngôn ngữ trong nghiên cứu đào tạo ngôn ngữ chuyên ngành. Không chỉ dừng lại ở đó, phân tầng ngành và lưỡng phân trong đào tạo chuyên ngữ tiếng Anh còn

nhằm đáp ứng “mục đích đào tạo chuyên sâu cho tiếng Anh chuyên ngành...” (5, tr.23).

Cách tiếp cận phân tầng ngành và lưỡng phân triệt để sẽ tạo thành “bức tranh nhận thức và vận dụng cho từng phạm vi và vị trí tiếng Anh chuyên ngành cụ thể, đa dạng, có tính xác định hơn...” (5, tr.23), đáp ứng nhu cầu cần thiết, cấp bách trong giáo dục đào tạo tiếng Anh ở Việt Nam hiện nay. Đường hướng này không những phù hợp với phương pháp luận ngôn ngữ học với chức năng luận, tri nhận luận, dụng học, liên ngữ giao văn hóa, mà còn phù hợp với yêu cầu cải cách, chấn hưng nền giáo dục cũng như đáp ứng những yêu cầu phát triển của đất nước.

3. Dạy và học tiếng Anh chuyên ngành theo nhu cầu xã hội

Đây cũng là mô hình được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Tác giả Đỗ Thị Xuân Dung coi tiếng Anh chuyên ngành là một loại tiếng Anh đặc biệt với kiến thức và kỹ năng thực hành đều nhằm mục đích phục vụ một chuyên ngành đặc biệt nào đó (kinh tế, y học, luật học, kiến trúc, văn hóa...). Một người học tiếng Anh chuyên ngành thành công tức là có thể áp dụng vốn tiếng Anh của mình vào lĩnh vực chuyên môn mà bản thân người đó quan tâm. Cho nên, “giảng dạy tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ công việc tương lai của người học” (6, tr.37).

Phân tích nhu cầu người học là yếu tố đảm bảo việc đào tạo theo nhu cầu xã hội và đó là tiêu chí quan trọng của một khóa học tiếng Anh chuyên ngành. Phân tích nhu cầu càng tích cực, chính xác bao nhiêu thì việc đáp ứng nhu cầu của người học trong các khóa học tiếng

Anh chuyên ngành càng đạt hiệu quả bấy nhiêu.

Từ kết quả khảo sát và thăm dò khách quan 150 cán bộ công chức công tác tại các ngành nghề khác nhau, nghiên cứu của tác giả Đỗ Thị Xuân Dung đã chỉ ra rằng nhu cầu sử dụng tiếng Anh trong các chuyên ngành là khác nhau và rằng, một số cơ quan công sở có nhu cầu sử dụng tiếng Anh rất cao và rất thường xuyên nhưng ở một số cơ quan khác thì ít có nhu cầu dùng tiếng Anh. Từ đó, dựa theo nhu cầu học tiếng Anh của từng ngành nghề mà các khóa học tiếng Anh chuyên ngành sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

Tài liệu học tập cũng là một nhân tố góp phần nâng cao trình độ tiếng Anh chuyên ngành cho người học, do đó giáo trình cần được biên soạn theo phong cách giao tiếp với nhiều hoạt động, có khối kiến thức phong phú nhằm mục đích rèn luyện kỹ năng toàn diện và gắn với tình hình thực tế. Cho nên, tác giả đề xuất một số giải pháp như tiếp cận tài liệu dạy học hiện đại, chú trọng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên có bài bản và thường xuyên. Bên cạnh đó, người dạy cần giúp người học nhận thức rõ về tác dụng và động cơ của việc học tiếng Anh chuyên ngành theo nhu cầu.

Dù đã có nhiều giải pháp về đường hướng dạy và học tiếng Anh chuyên ngành nói trên, không ít nhà nghiên cứu vẫn tỏ ra băn khoăn trước kỳ vọng và thực tế của việc dạy – học ngoại ngữ căn bản và chuyên ngành. Đó là băn khoăn về năng lực ngoại ngữ của người học, về khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ của người dạy, về chương trình học, sách giáo khoa và kiểm tra, đánh giá. Ngoài ra, do phương pháp dạy và học ngoại ngữ chuyên ngành có khác với

việc dạy và học ngoại ngữ phổ thông, tài liệu thường mang tính đặc thù nên đòi hỏi người học có trình độ ngoại ngữ cơ bản ở mức độ tương đương B1. Vì vậy, “Bộ Giáo dục và Đào tạo nên mềm dẻo trong quy định chuẩn ngoại ngữ; các trường, tùy theo năng lực của mình, cần tổ chức đa dạng các hình thức đào tạo ngoại ngữ với nhiều cấp độ khác nhau...” (7, tr. 28).

4. Tăng cường động cơ học tập ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên

Trước yêu cầu của xã hội, nhiều vấn đề được đặt ra nhằm nâng cao hiệu quả việc dạy học ngoại ngữ ở các trường đại học, cao đẳng. Việc học ngoại ngữ chuyên ngành luôn cần một động cơ bền vững, cần được tăng cường. Nguyên nhân dẫn đến yêu cầu bức thiết phải đưa ra những giải pháp về việc dạy và học ngoại ngữ là do một số mâu thuẫn như mâu thuẫn giữa yêu cầu chuẩn đầu ra và khối lượng dạy chính khóa; mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao hiệu quả và việc tổ chức dạy học theo đặc thù của môn học; mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao về ngoại ngữ cơ bản và ngoại ngữ chuyên ngành. Một trong nhiều giải pháp được đưa ra là từ cách tiếp cận ngôn ngữ học ứng dụng để nghiên cứu đường hướng tăng cường động cơ học tập ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên.

Trong dạy và học ngôn ngữ có ba loại động cơ phổ biến: động cơ bên trong, động cơ bên ngoài và động cơ mang tính sư phạm. Trong đó, động cơ bên trong liên quan tới niềm vui học tập của người học; động cơ bên ngoài liên quan tới lợi ích thực tế, cụ thể mà người học mong muốn có được qua việc học ngoại ngữ; động cơ mang tính sư phạm có từ lớp học và quá trình học tập.

Thực tế quá trình học ngoại ngữ chuyên ngành cho thấy, ý thức học tập và trình độ tiếp thu của sinh viên còn rất hạn chế. Sinh viên không đam mê học, thái độ ứng phó là chủ yếu. Nhiều sinh viên không có động cơ học tập rõ ràng, chỉ mong đạt điểm 5 để khỏi học lại. Bên cạnh đó, sinh viên các khối tự nhiên và kỹ thuật thường có thái độ học tập tích cực và khả năng tiếp thu cao hơn sinh viên khối xã hội (xem thêm: 8). Do vậy, phong cách, ngôn ngữ của người dạy và không khí lớp học có tác động đến động cơ học tập của người học. Người dạy góp phần hình thành động cơ của người học qua các hoạt động sư phạm như giảng dạy, đánh giá, tăng cường tính tự chủ cho người học... Ngoài ra, người dạy cần giúp người học nhận thức đầy đủ về mục đích sâu cùng của việc học ngoại ngữ để họ có niềm tin và tiến tới mục tiêu, mục đích học tập. Một điểm cần nhấn mạnh là tính tự chủ của người học. Nhưng tính tự chủ lại có mối quan hệ qua lại với động cơ học tập, cho nên người học càng tự chủ thì càng có động cơ học tập và ngược lại, càng có động cơ học tập thì sẽ càng tự chủ. Điều này đã được hai nhà tâm lý người Mỹ E. Deci và R. Ryan khẳng định vào thập niên 80 của thế kỷ trước qua lý thuyết về sự tự quyết (Self-determination theory).

Đề án Ngoại ngữ 2020 đến nay đã đi được nửa quãng đường nhưng những kết quả đạt được vẫn còn khá khiêm tốn. Đã có nhiều nhóm giải pháp mang tính đột phá được đưa ra như: xác định đối tượng, địa bàn ưu tiên; giải pháp về chương trình, giáo trình,... Tuy nhiên, theo chúng tôi, đối tượng cần ưu tiên đặc biệt phải là đội ngũ giáo viên và học viên, bởi họ chính là chủ thể của quá trình dạy và học ngoại ngữ.

Đội ngũ giáo viên đóng vai trò then chốt trong tiến trình đổi mới và nâng cao hiệu quả dạy ngoại ngữ. Họ cũng là những người giúp tạo động cơ đúng đắn cho người học. Động cơ học tập rõ ràng và kế hoạch học tập chi tiết, phù hợp sẽ giúp học viên tiết kiệm thời gian, tăng tính hiệu quả và trở nên yêu thích việc học hoặc nhận thấy việc học có ý nghĩa và cần phấn đấu và qua đó, góp phần tạo ra cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, ngoại ngữ thành thạo để bắt kịp với hiện đại hóa, toàn cầu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hồng Hải. Về việc dạy và học bằng tiếng Anh tại một số chuyên khoa bậc đại học ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, 2011, số 1.
2. Phạm Thị Đức. Về phạm trù động cơ học tập của học sinh trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, 1994, số 10-11.
3. Thái Duy Bảo. Đường hướng đào tạo tiếng Anh chuyên biệt cho chuyên ngành tiếng Anh - Tại sao không? *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 2011, số 12.
4. Phan Văn Hòa. Dạy và học tiếng Anh theo các mục đích cụ thể ở Việt Nam giai đoạn 2010 – 2020 từ góc nhìn thực tiễn và hướng chiến lược của Đề án ngoại ngữ quốc gia. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 2011, số 12.
5. Lê Quang Thiêm. Tiếp cận triệt để phân tầng ngành và lưỡng phân trong định hướng đào tạo chuyên ngữ tiếng Anh. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 2011, số 12.
6. Đỗ Thị Xuân Dung. Dạy và học tiếng Anh chuyên ngành theo nhu cầu xã hội. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 2011, số 12.
7. Trần Quang Hải. Dạy – học ngoại ngữ căn bản và chuyên ngành: mâu thuẫn giữa kỳ vọng và thực tế. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 2011, số 12.
8. Đỗ Thị Xuân Dung, Cát Ngọc Duy Anh. Dạy và học tiếng Anh chuyên ngành trong tình hình mới: Thách thức và giải pháp. *Tạp chí Khoa học (Đại học Huế)*, 2010, số 60.
9. Lê Viết Dũng. Tăng cường động cơ học tập ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 2011, số 12.
10. Niemec C. P., Ryan R.M. Autonomy, competence, and relatedness in the classroom: Applying self-determination theory to educational practice. *Theory and Research in Education*, 2009, vol 7(2), p. 133-144.
11. Ryan R. M., Connell J. P. Perceived locus of causality and internalization: Examining reasons for acting in two domains. *Journal of Personality and Social Psychology*, 1989, vol.57, p.749-761.